ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THI CĐR NGOẠI NGỮ ĐỢT THÁNG 9 NĂM 2016 (PHẦN TN MÁY)

Mã danh sách thi:CNN331_18/09/2016_2_1 Lần thi: Phong Thi:
Ngày thi:18/09/2016 Ca thi: Ca 2C (14:45 - 15:25) GĐ: PM 1

STT	SBD	Mã SV	Họ và Tên		Ngày Sinh	Số tờ	Chữ ký	Điểm thi (bằng số)	Điểm thi (bằng chữ)	Ghi chú
1	1	DTZ1253201010004	ĐƯỜNG THỊ VÂN	ANH	29/08/1994					
2	2	DTZ1258501010002	TRẦN VIỆT	ANH	03/04/1994					
3	3	DTZ1254401120011	VŨ NGỌC	ANH	06/08/1994					
4	4	DTZ1252203300083	LÔ THỊ	ÁNH	08/04/1994					
5	5	DTZ1354403010106	NGUYỄN NGỌC	ÁNH	06/05/1995					
6	6	DTZ1254403010076	NGUYỄN THỊ	ÁNH	21/05/1994					
7	7	DTZ1253201010003	VŨ THỊ NGỌC	ÁNH	30/08/1993					
8	8	DTZ1354601120016	PHAN THỊ	BÌNH	14/09/1995					
9	9	DTZ1354403010004	NGÔ THỊ MINH	CHÂM	11/10/1994					
10	10	DTZ1252203300055	NGUYỄN THỊ	CHÂM	13/05/1994					
11	11	DTZ1257601010006	GIÀNG A SỸ	CHANG	05/07/1994					
12	12	DTZ1252203100013	MA THỊ	CHANG	10/04/1994					
13	13	DTZ1354601120009	VŨ THỊ	CHANG	10/11/1995					
14	14	DTZ1257601010007	HOÀNG THỊ	CHIÊN	20/10/1993					
15	15	DTZ1253404010120	CỨ A	CHU	02/06/1993					
16	16	DTZ1252203100037	BÙI VĂN	CHƯƠNG	01/04/1991					
17	17	DTZ1255281020060	DƯƠNG THẾ	CÔNG	26/05/1994					
18	18	DTZ1252203300042	BÙI KIM	CÚC	08/04/1994					
19	19	DTZ1258501010009	HƯỚNG VIẾT	CƯƠNG	24/05/1994					
20	20	DTZ1253404010006	NÔNG VĂN	CƯƠNG	08/08/1994					
21	21	DTZ1252203100050	NGUYỄN VĂN	CƯỜNG	23/11/1994					
22	22	DTZ1354403010140	PHẠM THỊ	DIỆP	20/08/1994					
23	23	DTZ1253404010009	NGUYỄN THỊ	DOAN	27/03/1994					
24	24	DTZ1253404010012	DƯƠNG THỊ	DUNG	16/12/1994					

Ghi chú: Danh sách này gồm:

Số sinh viên có mặt …….. Số sinh viên vắng mặt……..Tổng số bài thi……. Tổng số tờ giấy thi:……

Số sinh viên vi phạm quy chế thi……..

Cán bộ coi thi 1:…… Cán bộ chấm thi 1:……

Cán bộ coi thi 2:…… Cán bộ chấmi thi 2:……

TRUNG TÂM NN-TH

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THI CĐR NGOẠI NGỮ ĐỢT THÁNG 9 NĂM 2016 (PHẦN TN MÁY)

Mã danh sách thi:CNN331_18/09/2016_2_2 Lần thi: Phong Thi:
Ngày thi:18/09/2016 Ca thi: Ca 2C (14:45 - 15:25) GĐ: PM 2

STT	SBD	Mã SV	Họ và Tên		Ngày Sinh	Số tờ	Chữ ký	Điểm thi (bằng số)	Điểm thi (bằng chữ)	Ghi chú
1	25	DTZ1255281020001	TRẦN TIẾN	ĐẠT	30/07/1993					
2	26	DTZ1258501010067	TRẦN VĂN	ĐẠT	29/11/1994					
3	27	DTZ1354401020002	HOÀNG THỊ	ĐIỆP	12/03/1994					
4	28	DTZ1253201010072	HÀ TRỌNG	ĐÔNG	17/05/1994					
5	29	DTZ1253404010010	TRIỆU VĂN	ĐỨC	19/04/1994					
6	30	DTZ1354403010142	TẠ THỊ	DUNG	22/08/1995					
7	31	DTZ1354401120002	VŨ PHƯƠNG	DUNG	10/08/1995					
8	32	DTZ1254403010082	NGÔ VIỆT	DŨNG	27/08/1994					
9	33	DTZ1258501010015	TRẦN ANH	DŨNG	29/06/1994					
10	34	DTZ1354601120017	ĐÀM HỒNG	DƯƠNG	23/01/1995					
11	35	DTZ1354601010041	NGUYỄN THỊ THÙY	DƯƠNG	22/04/1995					
12	36	DTZ1252203100052	NGUYỄN THỊ	DUYÊN	27/08/1994					
13	37	DTZ1253404010016	NGUYỄN THỊ	DUYÊN	01/06/1994					
14	38	DTZ1252203300094	NGUYỄN THỊ	GÁI	11/09/1994					
15	39	DTZ1254403010011	TRẦN THANH	GIANG	01/06/1992					
16	40	DTZ1252203100087	DƯƠNG THỊ	HÀ	08/11/1994					
17	41	DTZ1252203100080	LĂNG THỊ BÍCH	HÀ	12/03/1994					
18	42	DTZ1354601010051	PHẠM THỊ THU	HÀ	07/11/1995					
19	43	DTZ1354401020027	NGUYỄN THỊ	HẢI	05/06/1992					
20	44	DTZ1257601010123	NÔNG THANH	HẢI	02/06/1994					
21	45	DTZ1354403010153	LÂM THỊ	HẰNG	22/10/1994					
22	46	DTZ1354601010055	NGUYỄN THỊ	HẰNG	09/08/1995					
23	47	DTZ1252203300049	TRẦN THỊ	HẰNG	30/04/1993					
24	48	DTZ1253404010026	NGUYỄN THỊ	HẠNH	24/06/1994					

Ghi chú: Danh sách này gồm:

Số sinh viên có mặt …….. Số sinh viên vắng mặt……..Tổng số bài thi……. Tổng số tờ giấy thi:……

Số sinh viên vi phạm quy chế thi……..

Cán bộ coi thi 1:…… Cán bộ chấm thi 1:……

Cán bộ coi thi 2:…… Cán bộ chấmi thi 2:……

TRUNG TÂM NN-TH

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THI CĐR NGOẠI NGỮ ĐỢT THÁNG 9 NĂM 2016 (PHẦN TN MÁY)

Mã danh sách thi:CNN331_18/09/2016_2_3 Lần thi: Phong Thi:
Ngày thi:18/09/2016 Ca thi: Ca 2C (14:45 - 15:25) GĐ: PM 3

STT	SBD	Mã SV	Họ và Tên		Ngày Sinh	Số tờ	Chữ ký	Điểm thi (bằng số)	Điểm thi (bằng chữ)	Ghi chú
1	49	DTZ1352203300010	TRƯƠNG THỊ	HẰNG	11/10/1995					
2	50	DTZ1257601010017	VIÊN THỊ	HIỀN	10/11/1994					
3	51	DTZ1354601120007	HOÀNG THỊ	HIỆU	02/04/1995					
4	52	DTZ1258501010029	BÙI VĂN	HOÀNG	01/11/1994					
5	53	DTZ1254401120015	DƯƠNG THỊ	HOẠT	18/01/1994					
6	54	DTZ1252203300004	NGUYỄN THỊ	HỒNG	04/10/1994					
7	55	DTZ1354403010078	LÊ THỊ	HUỆ	29/12/1995					
8	56	DTZ1354601010090	NGUYỄN QUANG	HƯNG	13/05/1995					
9	57	DTZ1252203300039	ĐẶNG THỊ	HƯƠNG	27/09/1994					
10	58	DTZ1354403010081	NGUYỄN THU	HƯƠNG	16/02/1995					
11	59	DTZ1354601010019	HÀ THỊ THANH	HƯỜNG	05/06/1993					
12	60	DTZ1354403010079	NGUYỄN THỊ	HƯỜNG	19/10/1995					
13	61	DTZ1354601120025	TRỊNH THỊ NGỌC	HƯỜNG	14/10/1995					
14	62	DTZ1255281020011	PHẠM ĐẮC	HUY	19/05/1994					
15	63	DTZ1252203100088	PHẠM THỊ	HUYÊN	16/11/1994					
16	64	DTZ1257601010066	DƯƠNG THỊ	HUYỀN	20/01/1994					
17	65	DTZ1354601010006	HOÀNG THU	HUYỀN	04/03/1995					
18	66	DTZ1354403010109	TRẦN LỆ	HUYỀN	11/09/1995					
19	67	DTZ1254403010058	PHẠM ĐẮC	HUYNH	23/04/1994					
20	68	DTZ1253404010040	TRƯƠNG ĐẠI	KHOA	20/06/1993					
21	69	DTZ1257601010070	TRIỆU VĂN	LÂM	15/03/1993					
22	70	DTZ1252203300116	ÔN THỊ	LAN	04/03/1994					

Ghi chú: Danh sách này gồm:

Số sinh viên có mặt …….. Số sinh viên vắng mặt……..Tổng số bài thi……. Tổng số tờ giấy thi:……

Số sinh viên vi phạm quy chế thi……..

Cán bộ coi thi 1:…… Cán bộ chấm thi 1:…….

Cán bộ coi thi 2:…… Cán bộ chấmi thi 2:…….

TRƯỞNG KHOA, BỘ MÔN **TRUNG TÂM NN-TH**

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THI CĐR NGOẠI NGỮ ĐỢT THÁNG 9 NĂM 2016 (PHẦN TN MÁY)

Mã danh sách thi:CNN331_18/09/2016_2_4 Lần thi: Phong Thi:
Ngày thi:18/09/2016 Ca thi: Ca 2C (14:45 - 15:25) GĐ: PM 4

STT	SBD	Mã SV	Họ và Tên		Ngày Sinh	Số tờ	Chữ ký	Điểm thi (bằng số)	Điểm thi (bằng chữ)	Ghi chú
1	71	DTZ1257601010028	LA VĂN	LÂN	15/09/1994					
2	72	DTZ1257601010029	LÂM THỊ	LÍCH	12/01/1993					
3	73	DTZ1253404010048	DƯƠNG THỊ	LỊCH	29/08/1992					
4	74	DTZ1354601120002	DƯƠNG THỊ	LỊCH	25/03/1994					
5	75	DTZ1253404010049	NGUYỄN PHƯƠNG	LIÊN	15/06/1994					
6	76	DTZ1354403010121	PHẠM THỊ	LIÊN	26/04/1995					
7	77	DTZ1252203100032	TRIỆU THỊ	LIÊN	12/02/1993					
8	78	DTZ1354601120008	ĐÀM THỊ	LIỄU	01/01/1994					
9	79	DTZ1253404010051	HOÀNG THỊ	LIỄU	02/11/1994					
10	80	DTZ1253404010053	TRIỆU THỊ	LIỄU	27/10/1994					
11	81	DTZ1257601010030	ĐINH TUẤN	LINH	04/09/1994					
12	82	DTZ1354403010083	HOÀNG THỊ THÙY	LINH	01/11/1995					
13	83	DTZ1354403010023	HỨA THỊ DUY	LINH	04/05/1995					
14	84	DTZ1254401120016	NGUYỄN THỊ DIỆU	LINH	06/09/1994					
15	85	DTZ1255281020038	DƯƠNG THỊ	LOAN	13/11/1994					
16	86	DTZ1354601010033	NGUYỄN THỊ	LỢI	14/11/1995					
17	87	DTZ1252203100005	TRIỆU ĐÌNH	LỤ	15/09/1992					
18	88	DTZ1254402170052	LÊ THỊ	LUYẾN	06/11/1994					
19	89	DTZ1355281020031	NGUYỄN THỊ KHÁNH	LY	13/01/1995					
20	90	DTZ1354401020028	BÙI THỊ NGỌC	MAI	29/10/1995					
21	91	DTZ1354601010048	LƯƠNG THỊ	MAI	04/08/1994					
22	92	DTZ1253201010035	LÒ THỊ	MUA	02/11/1994					
23	93	DTZ1252203300077	NGUYỄN HỮU	NAM	20/09/1991					
24	94	DTZ1354401020030	NGUYỄN THỊ	NINH	19/04/1995					

Ghi chú: Danh sách này gồm:

Số sinh viên có mặt …….. Số sinh viên vắng mặt……..Tổng số bài thi……. Tổng số tờ giấy thi:……

Số sinh viên vi phạm quy chế thi……..

Cán bộ coi thi 1:…… Cán bộ chấm thi 1:…….

Cán bộ coi thi 2:…… Cán bộ chấmi thi 2:…….

TRUNG TÂM NN-TH

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THI CĐR NGOẠI NGỮ ĐỢT THÁNG 9 NĂM 2016 (PHẦN TN MÁY)

Mã danh sách thi:CNN331_18/09/2016_3_5 Lần thi: Phong Thi:
Ngày thi:18/09/2016 Ca thi: Ca 3C (15:45 - 16:10) GĐ: PM 1

STT	SBD	Mã SV	Họ và Tên		Ngày Sinh	Số tờ	Chữ ký	Điểm thi (bằng số)	Điểm thi (bằng chữ)	Ghi chú
1	95	DTZ1252203100040	NGHIÊM QUỲNH	NGA	21/05/1994					
2	96	DTZ1258501010038	NGUYỄN THỊ THANH	NGÀ	03/08/1994					
3	97	DTZ1354401020012	ĐỖ THỊ	NGÂN	17/08/1995					
4	98	DTZ1354601120027	NGUYỄN THỊ	NGOAN	04/07/1995					
5	99	DTZ1354601120013	DƯƠNG THỊ	NGỌC	09/04/1994					
6	100	DTZ1354601120022	MA THỊ BẢO	NGỌC	07/10/1995					
7	101	DTZ1252203100086	NGUYỄN VĂN	NGỌC	17/09/1994					
8	102	DTZ1252203100019	ĐẶNG CHÍ	NGUYÊN	11/06/1994					
9	103	DTZ1353404010104	LĂNG THÚY	NHÀN	27/03/1995					
10	104	DTZ1254202010049	LÊ THỊ THANH	NHẠN	15/07/1994					
11	105	DTZ1252203100008	ĐẶNG THỊ HỒNG	NHUNG	18/09/1994					
12	106	DTZ1252203100060	HÀ THỊ	NHUNG	03/10/1994					
13	107	DTZ1354601010087	VŨ THỊ HUYỀN	NHUNG	29/03/1995					
14	108	DTZ1257601010037	HOÀNG THỊ	NHƯỜNG	21/11/1994					
15	109	DTZ1257601010038	HOÀNG THỊ	OANH	06/07/1994					
16	110	DTZ1253201010038	LÝ THỊ MINH	PHƯƠNG	22/03/1994					
17	111	DTZ1254403010035	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	30/09/1994					
18	112	DTZ1253201010042	NGUYỄN THU	PHƯƠNG	22/07/1994					
19	113	DTZ1255281020016	NGUYỄN THU	PHƯƠNG	01/09/1994					
20	114	DTZ1258501010043	PHẠM TRẦN HIỀN	PHƯƠNG	09/12/1994					
21	115	DTZ1354601120021	TRẦN THỊ THANH	PHƯỢNG	02/09/1994					
22	116	DTZ1354403010120	TẠ HỮU	QUYỀN	16/06/1995					
23	117	DTZ1253404010077	NGUYỄN THỊ	QUỲNH	26/02/1994					
24	118	DTZ1252201130061	TRIỆU THỊ TRƯỜNG	QUỲNH	23/12/1994					

Ghi chú: Danh sách này gồm:

Số sinh viên có mặt …….. Số sinh viên vắng mặt……..Tổng số bài thi……. Tổng số tờ giấy thi:……

Số sinh viên vi phạm quy chế thi……..

Cán bộ coi thi 1:…… Cán bộ chấm thi 1:……

Cán bộ coi thi 2:…… Cán bộ chấmi thi 2:……

TRUNG TÂM NN-TH

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THI CĐR NGOẠI NGỮ ĐỢT THÁNG 9 NĂM 2016 (PHẦN TN MÁY)

Mã danh sách thi:CNN331_18/09/2016_3_6 Lần thi: Phong Thi:
Ngày thi:18/09/2016 Ca thi: Ca 3C (15:45 - 16:10) GĐ: PM 2

STT	SBD	Mã SV	Họ và Tên		Ngày Sinh	Số tờ	Chữ ký	Điểm thi (bằng số)	Điểm thi (bằng chữ)	Ghi chú
1	119	DTZ1253404010079	MA VĂN	SÁNG	13/01/1994					
2	120	DTZ1252201130001	MA THỊ	SEN	10/10/1994					
3	121	DTZ1354401020014	NÔNG THỊ	SEN	03/03/1995					
4	122	DTZ1252201130008	HOÀNG MINH	SƠN	26/12/1994					
5	123	DTZ1253404010112	NGUYỄN NGỌC	SƠN	03/08/1994					
6	124	DTZ1254202010036	VŨ CÔNG	SƠN	24/12/1994					
7	125	DTZ1354601010040	NGUYỄN THỊ	TÂM	10/12/1994					
8	126	DTZ1253201010045	PHẠM MINH	TÂM	27/12/1994					
9	127	DTZ1252201130006	TRIỆU QUYẾT	TÂM	24/10/1994					
10	128	DTZ1258501010077	TRƯƠNG BẮC	THÁI	14/02/1994					
11	129	DTZ1255104010008	HỨA VĂN	THANH	20/03/1992					
12	130	DTZ1253404010081	LÊ THỊ PHƯƠNG	THANH	30/07/1994					
13	131	DTZ1353404010027	NINH THỊ	THAO	23/08/1995					
14	132	DTZ1254402170013	HOÀNG THỊ	THẢO	28/04/1994					
15	133	DTZ1252203100053	ĐỒNG THỊ	TIÊU	01/03/1993					
16	134	DTZ1355281020019	NGUYỄN VĂN	TÔN	21/03/1994					
17	135	DTZ1252203300106	NÔNG ANH	TUẤN	14/08/1994					
18	136	DTZ1252203100004	PHÙNG MINH	TUẤN	06/07/1993					
19	137	DTZ1255281020025	HOÀNG THẾ	TÙNG	19/05/1993					
20	138	DTZ1252203300092	NGUYỄN THANH	TÙNG	20/08/1988					
21	139	DTZ1353404010035	BÀN THỊ	TUYỀN	12/08/1995					
22	140	DTZ1257601010090	LỤC THỊ	TUYỀN	10/12/1993					
23	141	DTZ1253404010105	LIỄU THỊ	TUYẾT	18/09/1994					
24	142	DTZ1254402170056	NÔNG THỊ	TUYẾT	06/12/1994					

Ghi chú: Danh sách này gồm:

Số sinh viên có mặt …….. Số sinh viên vắng mặt……..Tổng số bài thi…… Tổng số tờ giấy thi:……

Số sinh viên vi phạm quy chế thi……..

Cán bộ coi thi 1:…… Cán bộ chấm thi 1:…….

Cán bộ coi thi 2:…… Cán bộ chấmi thi 2:…….

TRUNG TÂM NN-TH

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THI CĐR NGOẠI NGỮ ĐỢT THÁNG 9 NĂM 2016 (PHẦN TN MÁY)

Mã danh sách thi:CNN331_18/09/2016_3_7 Lần thi: Phong Thi:
Ngày thi:18/09/2016 Ca thi: Ca 3C (15:45 - 16:10) GĐ: PM 3

STT	SBD	Mã SV	Họ và Tên		Ngày Sinh	Số tờ	Chữ ký	Điểm thi (bằng số)	Điểm thi (bằng chữ)	Ghi chú
1	143	DTZ1357601010082	MA THỊ HỒNG	THẮM	24/12/1994					
2	144	DTZ1354401020015	LÊ THỊ THU	THẢO	28/06/1994					
3	145	DTZ1252203300115	NGUYỄN THỊ	THẢO	08/07/1994					
4	146	DTZ1354403010043	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	26/07/1995					
5	147	DTZ1354601120014	TRẦN THỊ	THẢO	04/11/1994					
6	148	DTZ1253404010118	TRẦN THỊ HƯƠNG	THẢO	13/11/1994					
7	149	DTZ1253201010046	TRẦN THỊ THU	THẢO	01/10/1994					
8	150	DTZ1257601010048	MA XUÂN	THÊM	24/07/1993					
9	151	DTZ1253404010086	NGUYỄN THỊ	THIÊM	30/10/1994					
10	152	DTZ1252201130053	BẾ VĂN	THỊNH	18/01/1994					
11	153	DTZ1254402170038	ĐỖ XUÂN	THỊNH	06/04/1993					
12	154	DTZ1252203300048	VŨ THỊ	THƯƠNG	19/01/1994					
13	155	DTZ1252203300102	BÙI THỊ	THUỲ	17/09/1994					
14	156	DTZ1253404010092	DƯƠNG THỊ	THUỲ	18/09/1994					
15	157	DTZ1253404010090	VI THỊ	THUỲ	18/12/1992					
16	158	DTZ1254403010045	NGUYỄN LỆ	THÙY	03/05/1994					
17	159	DTZ1354601010075	NGUYỄN THỊ THANH	THỦY	26/08/1995					
18	160	DTZ1354601120004	TẠ THU	THỦY	01/09/1994					
19	161	DTZ1254402170015	TOÀN THỊ	THỦY	18/03/1994					
20	162	DTZ1354601120005	ĐẶNG QUỲNH	TRANG	11/03/1995					
21	163	DTZ1254402170016	HOÀNG THỊ YẾN	TRANG	20/10/1994					
22	164	DTZ1254601010017	LÊ THỊ	TRANG	10/12/1994					

Ghi chú: Danh sách này gồm:

Số sinh viên có mặt …….. Số sinh viên vắng mặt……..Tổng số bài thi……. Tổng số tờ giấy thi:……

Số sinh viên vi phạm quy chế thi……..

Cán bộ coi thi 1:…… Cán bộ chấm thi 1:…….

Cán bộ coi thi 2:…… Cán bộ chấmi thi 2:…….

TRƯỞNG KHOA, BỘ MÔN **TRUNG TÂM NN-TH**

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THI CĐR NGOẠI NGỮ ĐỢT THÁNG 9 NĂM 2016 (PHẦN TN MÁY)

Mã danh sách thi:CNN331_18/09/2016_3_8 Lần thi: Phong Thi:
Ngày thi:18/09/2016 Ca thi: Ca 3C (15:45 - 16:10) GĐ: PM 4

STT	SBD	Mã SV	Họ và Tên		Ngày Sinh	Số tờ	Chữ ký	Điểm thi (bằng số)	Điểm thi (bằng chữ)	Ghi chú
1	165	DTZ1354403010150	LƯỜNG THỊ	TRANG	06/02/1995					
2	166	DTZ1252201130004	NGUYỄN THỊ	TRANG	12/04/1992					
3	167	DTZ1252203300108	NGUYỄN THỊ	TRANG	16/02/1994					
4	168	DTZ1354601120028	BẾ THỊ HUYỀN	TRINH	28/03/1994					
5	169	DTZ1354601010024	HỨA THỤC	TRINH	10/11/1995					
6	170	DTZ1254401120010	VŨ ĐÌNH	VÂN	25/04/1994					
7	171	DTZ1255104010012	NGUYỄN TUẤN	VŨ	04/04/1994					
8	172	DTZ1252203300036	NGUYỄN THỊ	VUI	19/12/1994					
9	173	DTZ1354601120024	ĐẶNG THỊ	XUÂN	06/03/1995					
10	174	DTZ1253404010110	HOÀNG THỊ MINH	YẾN	11/10/1994					
11	175	DTZ1252201130007	NGUYỄN THỊ	YẾN	27/03/1994					
12	176	DTZ1354601010047	VŨ THỊ	YẾN	03/11/1995					
13		NN4860	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	11/06/1994					
14		NN4861	Hoàng Đức	Anh	27/02/1994					
15		NN4862	Trần Thị	Chung	11/07/1994					
16		NN4863	Đàm Văn	Chung	01/02/1995					
17		NN4864	Nguyễn Thị Thùy	Dương	07/10/1993					
18		NN4865	Bùi Văn	Dương	03/03/1994					
19		NN4866	Lê Thị Hương	Giang	03/11/1994					
20		NN4867	Dương Thị	Giang	16/3/1993					
21		NN4868	Phạm Duyên	Hà	02/01/1995					

Ghi chú: Danh sách này gồm:

Số sinh viên có mặt …….. Số sinh viên vắng mặt……..Tổng số bài thi……. Tổng số tờ giấy thi:……

Số sinh viên vi phạm quy chế thi……..

Cán bộ coi thi 1:…… Cán bộ chấm thi 1:……

Cán bộ coi thi 2:…… Cán bộ chấmi thi 2:……

TRƯỞNG KHOA, BỘ MÔN **TRUNG TÂM NN-TH**

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THI CĐR NGOẠI NGỮ ĐỢT THÁNG 9 NĂM 2016 (PHẦN TN MÁY)

Mã danh sách thi:CNN331_18/09/2016_4_9 Lần thi: Phong Thi:
Ngày thi:18/09/2016 Ca thi: Ca 4C (16:20 - 17:00) GĐ: PM 3

STT	SBD	Mã SV	Họ và Tên		Ngày Sinh	Số tờ	Chữ ký	Điểm thi (bằng số)	Điểm thi (bằng chữ)	Ghi chú
1		NN4869	Nguyễn Thị	Hiền	28/09/1994					
2		NN4870	Nguyễn Thị Thu	Hoài	31/7/1995					
3		NN4871	Vàng Mí	Hồng	03/10/1994					
4		NN4872	Đinh Thị	Huế	07/06/1994					
5		NN4873	Tô Thị	Huế	18/05/1994					
6		NN4874	Phạm Thị	Huệ						
7		NN4875	Trần Việt	Hưng	23/8/1994					
8		NN4876	Trần Việt	Hưng	23/8/1994					
9		NN4877	Đào Tiến Hòa	Hưng	10/07/1993					
10		NN4878	Nguyễn Thị	Huyền	03/06/1990					
11		NN4879	Phan Văn	Huỳnh	07/07/1994					
12		NN4880	Địch Phương	Lan	24/04/1994					
13		NN4881	Nguyễn Hà Phương	Lan	25/07/1994					
14		NN4882	Trần Thị	Liên	09/09/1995					
15		NN4883	Trần Thùy	Linh	16/04/1994					
16		NN4884	Nguyễn Thùy	Linh	24/2/1995					
17		NN4885	Ma Thị	Loan	11/08/1994					
18		NN4886	Ma Thị	Loan	11/08/1994					
19		NN4887	Lê Thị	Mây	07/06/1991					
20		NN4888	Nguyễn Thị Kiều	Miên	20/8/1995					

Ghi chú: Danh sách này gồm:

Số sinh viên có mặt …….. Số sinh viên vắng mặt……..Tổng số bài thi……. Tổng số tờ giấy thi:……

Số sinh viên vi phạm quy chế thi……..

Cán bộ coi thi 1:…… Cán bộ chấm thi 1:…….

Cán bộ coi thi 2:…… Cán bộ chấmi thi 2:…….

TRƯỞNG KHOA, BỘ MÔN **TRUNG TÂM NN-TH**

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THI CĐR NGOẠI NGỮ ĐỢT THÁNG 9 NĂM 2016 (PHẦN TN MÁY)

Mã danh sách thi:CNN331_18/09/2016_4_10 Lần thi: Phong Thi:
Ngày thi:18/09/2016 Ca thi: Ca 4C (16:20 - 17:00) GĐ: PM 4

STT	SBD	Mã SV	Họ và Tên		Ngày Sinh	Số tờ	Chữ ký	Điểm thi (bằng số)	Điểm thi (bằng chữ)	Ghi chú
1		NN4889	Hoàng Huyền	My	15/10/1995					
2		NN4890	Nguyễn Thành	Nam	07/06/1994					
3		NN4891	Lưu Thị Hồng	Nhung	05/04/1995					
4		NN4892	Hoàng Thị	Nuôi	18/12/1994					
5		NN4893	Vũ Thế	Quang	23/04/1994					
6		NN4894	Hoàng Thị	Quỳnh	03/03/1994					
7		NN4895	Hoàng Văn	Thân	19/10/1993					
8		NN4896	Nguyễn Xuân	Thanh	17/10/1994					
9		NN4897	Phùng Thị	Thảo	02/09/1995					
10		NN4898	Nguyễn Thị Hương	Thảo	12/03/1994					
11		NN4899	Cao Thị	Thảo	15/03/1994					
12		NN4900	Chu Thị Bích	Thảo	24/12/1993					
13		NN4901	Trần Phương	Thảo	13/11/1994					
14		NN4902	Phạm Thị Hồng	Thư	08/05/1995					
15		NN4903	Ma Thị	Tiêu	24/08/1994					
16		NN4904	Đinh Công	Tuyền	01/04/1994					
17		NN4905	Chu Thị	Tuyết	05/02/1994					
18		NN4906	Lương Đình	Vịnh	09/08/1991					
19		NN4907	Hoàng Hải	Yến	28/9/1994					
20		NN4908	Hoàng Hải	Yến	28/9/1994					

Ghi chú: Danh sách này gồm:

Số sinh viên có mặt …….. Số sinh viên vắng mặt……..Tổng số bài thi……. Tổng số tờ giấy thi:……

Số sinh viên vi phạm quy chế thi……..

Cán bộ coi thi 1:…… Cán bộ chấm thi 1:……

Cán bộ coi thi 2:…… Cán bộ chấmi thi 2:……

TRƯỞNG KHOA, BỘ MÔN **TRUNG TÂM NN-TH**